

THỰC TRẠNG TIÊU THỤ RAU AN TOÀN Ở HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Lưu Thái Bình*

Current situation of distribution of safe vegetables in Dong Hy district, Thai Nguyen province (Summary)

Production and distribution of safe vegetables are urgent issues in terms of economic and social developmental, people's health and amicable with environment of vegetables is firstly criterion of marketing. Dong Hy is a half mountainous district of Thai Nguyen Province. In the District, total area of natural is 46,177.34 ha, agricultural area is 11,854.65 ha - Inside, land of annual crop accounts with 53.8%. In 2004, the District has 123,899 people, and among them 109,921 people in rural area, population density is 268 people/km². People in Dong Hy District has rich experience for growing vegetables; they know how to make full use of advantages of land and climate for growing vegetables; they know how to make full use of advantages of land and climate for growing favourite vegetables in marketing. However, in now market of vegetables in the District still weak and small. There is lack of organization and coherence between production and circulation, especially lack of safe vegetables quality with methods control in network.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đồng Hỷ là một huyện miền núi của tỉnh Thái Nguyên với tổng diện tích tự nhiên là 46.177,34 ha, diện tích đất nông nghiệp có 11.854,65 ha, trong đó đất trồng cây hàng năm chiếm 53,8%. Năm 2004 huyện có 123.899 nhân khẩu, trong đó dân số nông thôn là 109.921 người; mật độ dân số 268 người/km². Người dân Đồng Hỷ có kinh nghiệm trồng rau, biết vận dụng lợi thế về đất đai và khí hậu để sản xuất ra nhiều loại rau. Tuy vậy, hiện nay các hộ nông dân sản xuất rau an toàn trên địa bàn huyện đang còn gặp phải nhiều khó khăn trong vấn đề tiêu thụ. Trên địa bàn huyện Đồng Hỷ đã xuất hiện các cửa hàng bán rau an toàn nhưng giá bán còn cao, tốc độ tiêu thụ còn chậm, hình thức mẩu mã, chất lượng còn kém. Hiện vẫn chưa có phương pháp bảo đảm chất lượng và chưa xây dựng được một thương hiệu uy tín cho sản phẩm rau an toàn của huyện cho nên gây tâm lý thiếu tin tưởng cho người tiêu dùng. Tất cả những vấn đề này do nguyên nhân gì? Yếu tố chủ yếu nào ảnh hưởng? Cần có định hướng và những giải pháp gì để thúc đẩy tiêu thụ rau an toàn?

2. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT RAU AN TOÀN Ở HUYỆN ĐỒNG HỖ

Sản xuất rau an toàn ở huyện Đồng Hỷ được bắt đầu từ năm 2002 kể từ khi dự án sản xuất rau an toàn của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên được triển khai thực hiện trên địa bàn huyện. Năm 2004 diện tích rau an toàn của huyện có 40,07 ha, bình quân năm 2002 - 2004 tăng 17,91%. Năm 2004 năng suất cà chua an toàn là 15,25 tấn/ha, bình quân năm 2002 - 2004

tăng 0,4%; năng suất bắp cải an toàn là 21,69 tấn/ha, bình quân tăng 1,13%. Năm 2004 sản lượng các loại rau an toàn của huyện là 762,2 tấn, bình quân năm 2002 - 2004 tăng 19,88%. Nhìn chung diện tích, năng suất, sản lượng các loại rau an toàn của huyện có xu hướng tăng lên.

Các hộ sản xuất rau an toàn ở huyện Đồng Hỷ đã được tập huấn về kỹ thuật sản xuất nên họ có trình độ thâm canh cao. Các hộ trồng rau an toàn đã áp dụng nhiều biện pháp khoa học kỹ thuật, trồng rau theo phương pháp kỹ thuật sản xuất rau an toàn như sử dụng phân hữu cơ, thuốc trừ sâu sinh học, chế độ cách ly phun thuốc sâu một cách hợp lý. Sản phẩm rau an toàn của huyện khá đa dạng, chất lượng sản phẩm rau an toàn tốt đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng.

3. THỰC TRẠNG TIÊU THỤ RAU AN TOÀN CỦA HUYỆN ĐỒNG HỖ

Sản lượng tiêu thụ một số loại rau an toàn: Nhìn chung sản lượng tiêu thụ rau an toàn của huyện Đồng Hỷ liên tục tăng năm 2002 - 2004. Sản lượng tiêu thụ cà chua an toàn năm 2004 là 94,56 tấn, bình quân năm 2002 - 2004 tăng 37,07%. Sản lượng tiêu thụ rau bắp cải an toàn năm 2004 là 119,04 tấn, bình quân năm 2002 - 2004 tăng 28,43%. Sản lượng tiêu thụ rau súp lơ an toàn năm 2004 là 103,04 tấn, bình quân năm 2002 - 2004 tăng 60,14%. Sản lượng tiêu thụ rau su hào an toàn năm 2004 là 61,2 tấn, bình quân năm 2002 - 2004 tăng 20,01% (bảng 1).

Thị trường tiêu thụ rau an toàn của huyện Đồng Hỷ khá rộng lớn, ngoài các chợ nhỏ trong huyện, chợ trung tâm, huyện còn có thị trường lớn nhất là thành

*Đại học Thái Nguyên

NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN - MÔI TRƯỜNG

phố Thái Nguyên. Đây cũng là thị trường tiềm năng trong tương lai bởi vì trong thời gian tới nhu cầu về rau an toàn trên địa bàn thành phố là rất lớn. Ngoài ra do có điều kiện giao thông thuận lợi nên rau an toàn ở huyện Đông Hỷ còn được vận chuyển đến một số nơi khác để bán như thủ đô Hà Nội, huyện Võ Nhai, huyện

Bắc Sơn của tỉnh Lạng Sơn. Với thị trường tiêu thụ rộng lớn như vậy đã kích thích sản xuất rau an toàn của huyện phát triển và tạo thêm nhiều việc làm cho nhiều người lao động, đặc biệt là lao động nhân rỗi. Đồng thời nó còn mang lại thu nhập cao cho người sản xuất và tiêu thụ rau an toàn.

Bảng 1: Sản lượng tiêu thụ rau an toàn huyện Đông Hỷ năm 2002 - 2004

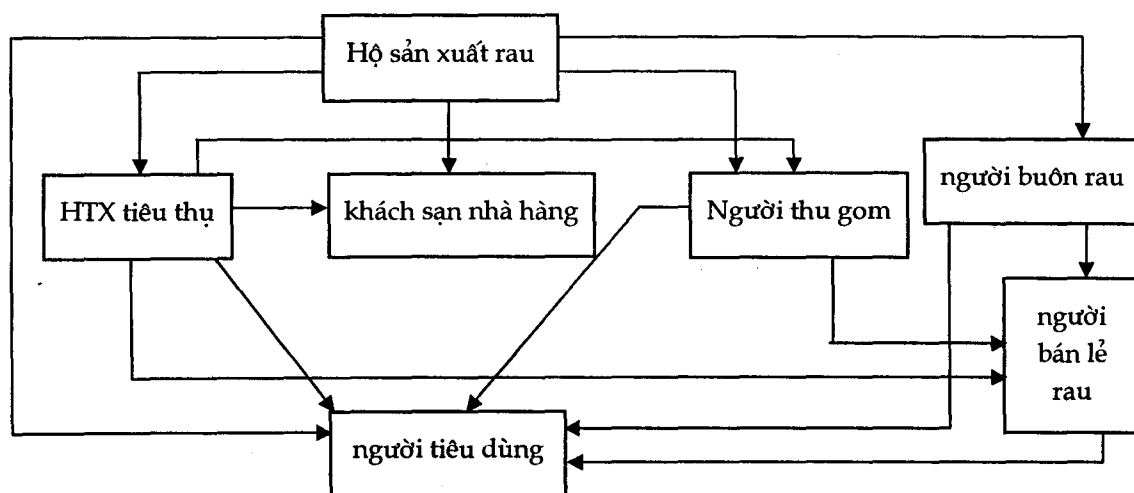
| Loại rau | 2002 | | 2003 | | 2004 | | So sánh (%) | | |
|------------------|-----------------|------------|-----------------|------------|-----------------|------------|-------------|--------|--------------|
| | Sản lượng (tấn) | Cơ cấu (%) | Sản lượng (tấn) | Cơ cấu (%) | Sản lượng (tấn) | Cơ cấu (%) | 03/02 | 04/03 | BQ 2002-2004 |
| 1. Cà chua | 50,33 | 14,43 | 76,88 | 16,08 | 94,56 | 16,35 | 152,74 | 123,00 | 137,07 |
| 2. Bắp cải | 72,17 | 20,70 | 95,10 | 19,89 | 119,04 | 20,58 | 131,77 | 125,17 | 128,43 |
| 3. Súp lơ | 40,18 | 11,52 | 78,60 | 16,44 | 103,04 | 17,81 | 195,62 | 131,09 | 160,14 |
| 4. Su hào | 42,49 | 12,18 | 49,28 | 10,30 | 61,20 | 10,58 | 115,97 | 124,20 | 120,01 |
| 5. Mướp đắng | 16,17 | 4,64 | 20,33 | 4,25 | 23,28 | 4,02 | 125,70 | 114,54 | 119,99 |
| 6. Cà rốt | 18,34 | 5,26 | 21,45 | 4,49 | 27,04 | 4,67 | 116,96 | 126,06 | 121,42 |
| 7. Dưa chuột | 22,33 | 6,40 | 27,98 | 5,85 | 33,28 | 5,75 | 125,28 | 118,96 | 122,08 |
| 8. Đậu đỗ | 11,20 | 3,21 | 20,48 | 4,28 | 22,24 | 3,84 | 182,81 | 108,62 | 140,92 |
| 9. Rau muống | 8,96 | 2,57 | 9,68 | 2,02 | 10,40 | 1,80 | 107,98 | 107,49 | 107,74 |
| 10. Xà lách | 14,07 | 4,03 | 15,75 | 3,29 | 17,12 | 2,96 | 111,94 | 108,70 | 110,31 |
| 11. Hành tỏi | 7,07 | 2,03 | 8,03 | 1,68 | 8,08 | 1,40 | 113,51 | 100,69 | 106,90 |
| 12. Cải các loại | 15,40 | 4,42 | 17,03 | 3,56 | 17,84 | 3,08 | 110,55 | 104,79 | 107,63 |
| 13. Khác | 30,00 | 8,60 | 37,63 | 7,87 | 41,36 | 7,15 | 125,42 | 109,93 | 117,42 |

Nguồn: Phòng Thống kê huyện Đông Hỷ [3]

Chúng tôi thấy rau an toàn tại huyện Đông Hỷ được tiêu thụ qua 2 kênh trực tiếp và gián tiếp (sơ đồ 1).

- Hộ sản xuất rau an toàn bán cho người tiêu dùng.

- Hộ sản xuất rau an toàn bán cho các đơn vị trung gian như người thu gom, người buôn, hợp tác xã tiêu thụ. Rau an toàn tiêu thụ thông qua người thu gom và người buôn trung bình hàng năm chiếm tới 36% lượng tiêu thụ của huyện.



Sơ đồ 1: Các kênh tiêu thụ rau an toàn của huyện Đông Hỷ năm 2004

NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN - MÔI TRƯỜNG

Qua điều tra trên thị trường tiêu thụ các sản phẩm rau an toàn của huyện chúng tôi thấy giá bán một số loại rau an toàn có sự biến động lớn theo mùa vụ (bảng 2):

+ Rau cà chua an toàn vụ đông xuân: Vụ sớm giá bán là 4.000 đồng/kg, chính vụ là 3.800 đồng/kg, vụ muộn là 3.900 đồng/kg.

+ Rau bắp cải an toàn vụ đông xuân: Vụ sớm giá bán là 2.900 đồng/kg, chính vụ là 1.300 đồng/kg, vụ muộn là 1.400 đồng/kg.

+ Rau su hào an toàn vụ đông xuân: Vụ sớm giá bán là 1.600 đồng/kg, chính vụ là 1.000 đồng/kg, vụ muộn là 1.500 đồng/kg.

+ Rau súp lơ an toàn vụ đông xuân: Vụ sớm giá bán là 6.000 đồng/kg, chính vụ là 2.000 đồng/kg, vụ muộn là 2.500 đồng/kg.

Giá bán rau an toàn tại nơi sản xuất (giá công trại) ở vụ sớm và vụ muộn thường cao hơn chính vụ, vụ xuân hè thường cao hơn vụ đông xuân và hè thu. Điều này thể hiện sự khan hiếm của từng loại rau tùy theo mùa vụ mà bán được giá khác nhau. Qua điều tra tại địa bàn chúng tôi cũng thấy giá bán rau an toàn còn thường không ổn định, thông thường giá bán lẻ cao hơn giá bán buôn. Vì nhu cầu tiêu thụ về rau an toàn là rất lớn nên khối lượng rau an toàn mà huyện Đồng Hỷ sản xuất ra hàng năm thường tiêu thụ hết. Hiện tại rau an toàn của huyện sản xuất mới đáp ứng một khối lượng nhỏ so với nhu cầu thị trường, chủng loại ngày càng đa dạng và chất lượng rau an toàn đang ngày càng được nâng lên.

Bảng 2: Giá bán một số loại rau an toàn theo mùa vụ năm 2004

Đ.v.t: đồng/kg

| Loại rau | Diễn giải | Vụ đông xuân | Vụ hè thu | Vụ xuân hè |
|------------|-----------|--------------|-----------|------------|
| 1. Cà chua | Vụ sớm | 4.000 | 3.800 | 4.300 |
| | Chính vụ | 3.800 | 4.000 | 4.400 |
| | Vụ muộn | 3.900 | 3.500 | 4.450 |
| 2. Bắp cải | Vụ sớm | 2.900 | 1.100 | 2.800 |
| | Chính vụ | 1.300 | 2.100 | 2.500 |
| | Vụ muộn | 1.400 | 2.800 | 2.300 |
| 3. Su hào | Vụ sớm | 1.600 | 2.600 | 1.800 |
| | Chính vụ | 1.000 | 800 | 1.900 |
| | Vụ muộn | 1.500 | 1.500 | 2.000 |
| 4. Súp lơ | Vụ sớm | 6.000 | 2.700 | 7.500 |
| | Chính vụ | 2.000 | 3.800 | 7.000 |
| | Vụ muộn | 2.500 | 7.200 | 6.500 |

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ phiếu điều tra [1]

Đối với người thu gom rau an toàn mức chi phí trên một đơn vị sản phẩm cao hơn so với rau thường. Mức chênh lệch này chủ yếu là do sự khác nhau về chi phí lao động, chi phí vận chuyển. Đặc thù của sản phẩm rau an toàn là đòi hỏi phải chi phí về mẫu mã, bao bì, nhãn mác, yêu cầu về chất lượng cao... dẫn tới chi phí thu gom trên một đơn vị sản phẩm là cao hơn so với tổng chi phí thu gom rau thường. Tuy nhiên, thu nhập của người thu gom rau an toàn cao hơn so với thu nhập của người thu gom rau thường (bảng 3). Thu nhập hỗn hợp của người thu gom cà chua an toàn cao hơn của người thu gom cà chua thường là 259 đồng/kg, tăng 37,16%. Lợi nhuận của người thu gom cà chua an toàn

cao hơn của người thu gom cà chua thường là 204 đồng/kg, tăng 33,33%.

Do quy trình sản xuất rau an toàn có chi phí cao nên so với rau thường thì giá bán rau an toàn có cao hơn chút ít so với rau thường, song với giá bán rau an toàn tại địa bàn huyện Đồng Hỷ, theo chúng tôi người tiêu dùng có khả năng thanh toán được. Tuy nhiên sản phẩm rau an toàn còn mới mẻ đối với người tiêu dùng hiện nay. Đối tượng tiêu dùng rau an toàn mới tập trung vào một số người có thu nhập cao và có hiểu biết về rau an toàn. Vì vậy, đây còn là nguyên nhân gây ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ rau an toàn còn chậm trên thị trường huyện.

NÔNG NGHIỆP - NÔNG THÔN - MÔI TRƯỜNG

Bảng 3: So sánh chi phí và thu nhập của người thu gom cà chua an toàn và cà chua thường tính trên 1 kg năm 2004

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Cà chua an toàn | Cà chua thường | So sánh CCAT/CCT | |
|--|-------------|-----------------|----------------|------------------|--------|
| | | | | ± | % |
| 1. Tổng chi phí thu gom | đồng | 354 | 254 | 100 | 139,37 |
| - Chi thuế, lệ phí | đồng | 25 | 25 | 0 | 100,00 |
| - Chi phí vận chuyển | đồng | 139 | 121 | 18 | 114,88 |
| - Chi tiền điện thoại | đồng | 13 | 7 | 6 | 185,71 |
| - Chi khác (vật liệu, bao bì, đóng gói, nhãn mác...) | đồng | 37 | 16 | 21 | 231,25 |
| - Chi nhân công lao động | đồng | 140 | 85 | 55 | 164,71 |
| 2. Giá mua thu gom trung bình | đồng/kg | 2.729 | 2.597 | 132 | 105,08 |
| 3. Giá bán tiêu dùng trung bình | đồng/kg | 3.899 | 3.463 | 436 | 112,59 |
| 4. Thu nhập hỗn hợp | đồng | 956 | 697 | 259 | 137,16 |
| 5. Lợi nhuận | đồng | 816 | 612 | 204 | 133,33 |

Nguồn: Tổng hợp và tính toán từ phiếu điều tra [1]

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM THÚC ĐẨY TIÊU THỤ RAU AN TOÀN Ở HUYỆN ĐỒNG HỖ

- Chính sách thị trường: Cần hướng tới một số chính sách khuyến khích sản xuất và tiêu thụ sản phẩm như: Trợ cấp sản xuất (vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu vi sinh); miễn giảm thuế đối với sản xuất và kinh doanh rau an toàn; hỗ trợ quảng cáo, đào tạo nghiệp vụ kinh doanh; động viên khen thưởng các cơ sở sản xuất kinh doanh rau an toàn giỏi; nghiêm túc xử lý các trường hợp vi phạm các quy định về sản xuất lưu thông tiêu thụ rau an toàn trên địa bàn. Tổ chức tốt mạng lưới lưu thông rau an toàn như: Các cửa hàng, siêu thị bán rau an toàn, các chợ đầu mối, các cơ sở sơ chế và chế biến rau an toàn.

- Tăng cường công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhằm giúp các cơ sở sản xuất quảng cáo sản phẩm, khuyến khích và hướng dẫn tiêu dùng sản phẩm rau an toàn, giới thiệu các địa chỉ sản xuất rau an toàn và bán sản phẩm rau an toàn, nhằm tạo lòng tin cho người tiêu dùng, xây dựng thương hiệu cho rau an toàn.

- Chính sách về tiêu chuẩn chất lượng rau an toàn: Tổ chức tốt việc kiểm tra thẩm định qui trình sản xuất rau an toàn. Qua đó có thể cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ruộng, vườn, vùng sản xuất rau an toàn, hợp tác xã, cửa hàng, siêu thị kinh doanh, các cơ sở sơ chế và chế biến rau an toàn. Kiểm tra thường xuyên, nhanh

chóng chất lượng rau an toàn đối với tất cả các loại rau trên các vùng sản xuất, rau an toàn bán trong các cửa hàng, siêu thị.

- Hoàn chỉnh và ban hành các văn bản pháp quy về sản xuất và tiêu thụ rau an toàn như: Quy trình sản xuất và chế biến rau an toàn, về tiêu chuẩn mẫu mã, bao bì, nhãn mác, các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm của rau an toàn. Xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chính sách khuyến khích tiêu thụ sản phẩm rau an toàn: tập huấn nâng cao trình độ cho các hộ nông dân, các cơ sở tiêu thụ về kỹ thuật sản xuất và kỹ năng, nghiệp vụ, cách tiếp cận thị trường để tiêu thụ tốt sản phẩm.

- Nhà nước cần có chính sách đầu tư cho việc hình thành chợ đầu mối và hệ thống mạng lưới tiêu thụ, phân phối rau an toàn trên các siêu thị, chợ lớn, chợ nhỏ cung ứng rau an toàn thuận tiện đến người tiêu dùng. Từ đây tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh thúc đẩy nhanh việc tiêu thụ rau an toàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1). Lưu Thái Bình (2005). "Đánh giá hiệu quả kinh tế sản xuất rau an toàn tại huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên". Luận văn Thạc sỹ Kinh tế. (2). Phạm Văn Hùng, Nguyễn Thị Minh Hiền (2000), Hệ thống marketing rau vùng đồng bằng sông Hồng. Trường Đại học Nông Nghiệp I Hà Nội. (3). Phòng Thống kê, phòng NN và PTNT, các phòng, ban huyện Đồng Hỷ: Số liệu thống kê, báo cáo năm 2002 - 2004. □